PHẬT LỊCH 2541 - 1998

Kinh
THỦ LĂNG NGHIÊM
Toát Yếu

TỲ KHEO NI HẢI TRIỀU ÂM

ĐẠI PHẬT ĐỈNH
NHƯ LAI MẬT NHÂN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHƯ BỒ-TÁT VẠN HẠNH

Tựa

Kinh Lăng Nghiêm còn có tên là Quán Đỉnh Chương Cú. Nghĩa là một chương của bộ Quán Đỉnh, 1 trong 5 bộ kinh lớn bên Mật tông. Từ xưa, Mật tông vẫn giữ bí mật các pháp môn của mình, không cho truyền bá bừa bãi. Các Vua Ấn Độ hộ pháp rất dõng mãnh, phạt tử hình những ai không tuân theo qui lệnh. Nên bộ kinh Lăng Nghiêm không được tự do truyền bá ra nước ngoài.

Ở Trung Hoa, Tổ Thiên Thai nghe danh rất hâm mộ, ròng rã 18 năm hướng về phương Tây, lễ bái cầu Phật gia hộ cho kinh được truyền qua mà vẫn không được gặp.

Mãi đến đời Đường, Vua Trung Tôn năm thứ nhất, bên Ấn Độ có Samôn Bát Lạt Mật Đế lấy một thứ mực không chi làm phai được, viết trọn bộ Lăng Nghiêm vào một thứ lụa rất mỏng, rạch vế đùi nhét vào rồi khâu lại giả làm vết thương. Ngài theo các lái buôn đi đường biển đến đất Quảng Châu. May gặp quan Tướng quốc Phòng Dung dùng chất hóa học làm tan máu mủ mà nét chữ không bị phai nhòa. Samôn được mời về chùa Chế Chỉ cùng với Samôn Di Già Thích Ca, cũng người Thiên Trúc, dịch kinh ra chữ Hán. Tướng quốc Phòng Dung nhuận bút.

Ở Việt Nam kinh Lăng Nghiêm rất được lưu thông nhưng toàn bằng chữ Hán. Mãi đến năm 1932, Hòa-thượng Thích-Chân-Giám, chùa Bích-Liên, mới dịch ra Việt ngữ kiêm chú giải và đăng trên báo Từ Bi Âm.

Khoảng năm 1945 có phong trào học Lăng Nghiêm ở Huế. Hòa-thượng Trí-Siêu đã dịch kinh Lăng Nghiêm trọn bộ.

Năm 1961 có bản dịch của cư sĩ Tâm Minh và năm 1962 có bản dịch của cư sĩ Tuệ Quang.

Nay làm bộ toát yếu này để giúp các vị sơ cơ không vào nổi bộ Lăng Nghiêm vì văn chương quá phồn thịnh lại nhiều lý luận.

Nguyện cầu ai nấy đều phân biệt được cái giả cái thật, cái giả và cái thật ở ngay thân tâm mình, để sống hợp với lẽ phải, ngõ hầu vĩnh viễn thoát khổ và hưởng cái vui Thánh Hiền.

Trân Trọng !
Tỳ-kheo-ni Hải Triều Âm

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

DUYÊN KHỞI

Phật ngự tại thành Thất La Phiệt, tinh xá Kỳ Hoàn, cùng với 1250 đại A-la-hán, vô lượng Bích Chi, Hữu Học, Vô Học và các Bồ-tát.

Nhân ngày tán hạ tự tứ, các cư sĩ trong thành đều thỉnh trai tăng. Lại nhằm ngày húy Phụ-vương, vua Ba Tư Nặc làm cỗ lớn thỉnh Phật và đại chúng. Duy ngài Anan có việc đi vắng, không kịp về cùng chúng phó trai nên phải đi khất thực một mình. Ông phát tâm bình đẳng từ bi, thứ lớp khất thực. Ngang qua nhà dâm nữ, bị cô Ma Đăng Già dùng chú thuật mê hoặc. Phật sai ngài Văn Thù đem thần chú Thủ Lăng Nghiêm đi giải cứu.

CHÁNH TÔNG

MỤC I. KIẾN ĐẠO (SAMATHA)

A/- PHÁ VỌNG

Anan hận mình học rộng mà đạo lực không toàn, khóc xin Phật chỉ dạy tối sơ phương tiện của chư Phật là 3 pháp Samatha, Tam-ma, Thiền-na.

Phật hỏi : Ông thấy thắng tướng gì ở trong pháp ta mà đốn xả được thế gian thâm trọng ân ái ?

Thưa : Con thấy Phật có 32 tướng thắng diệu. Con suy nghĩ : Những tướng này chẳng thể từ dục ái sanh ra. Cho nên con khát ngưỡng công đức mà theo Phật xuất gia.

Phật dạy : Hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay sanh tử nối tiếp, đều vì không biết thường trụ chân tâm nên bị vọng tưởng lưu chuyển. Này Anan, đương khi vì duyên theo 32 tướng tốt của ta mà phát tâm xuất gia, ông lấy gì để thấy ? Lấy gì để ưa muốn ?

Thưa : Mắt con thấy, tâm con ưa thích.

Phật bảo : Như ông vừa nói, gốc của lưu chuyển là mắt và tâm. Muốn dẹp được giặc phải biết chỗ ở của giặc. Vậy mắt và tâm ông ở chỗ nào ?

I. BẢY LẦN TÌM TÂM :

1. Tâm ở trong thân :

Anan thưa : Hết thảy chúng sanh đều cùng biết tâm ở trong thân, mắt ở trên mặt.

Phật đáp : Nếu tâm linh sáng thật ở trong thân, làm sao không biết gì đến tim, gan, phổi, ruột... ?

2. Tâm ở ngoài thân :

Anan thưa : Đèn không thể soi sáng trong nhà, vì đèn thắp ở ngoài sân. Tâm con chẳng thấy trong thân mà chỉ thấy cảnh ngoài, chắc tại nó ở ngoài thân.

Phật đáp : Nếu vậy thì thân tâm ông không tương can. Nay tôi giơ tay trước mắt ông, tâm ông có phân biệt không ? Nếu mắt và tâm cùng biết sao lại bảo tâm ở ngoài thân ?

3. Tâm núp sau con mắt :

Anan thưa : Tâm núp sau con mắt như người đeo kính.

Phật đáp : Người đeo kính thấy kính trước khi thấy cảnh vật. Tâm ông nếu núp sau con mắt, phải thấy mắt trước khi thấy cảnh.

4. Tâm ở cả trong ngoài :

Anan thưa : Nhắm mắt thấy tối là thấy trong thân. Mở mắt thấy sáng là thấy ở ngoài.

Phật đáp : Nếu cứ thấy tối gọi là thấy trong, vậy ban đêm ông ở trong nhà tối, bàn ghế trong nhà cũng là ruột gan của ông sao ?

Nếu cho rằng nhắm mắt là thấy quay vào trong thân thì khi mở mắt lý ưng ông phải thấy mặt mình. Đã thấy được mặt thì con mắt hẳn phải ở hư không.

5. Tâm tùy hợp xứ :

Anan thưa : Con thường nghe Phật dạy tứ chúng : "Do tâm sanh nên các pháp sanh. Do pháp sanh nên đủ thứ tâm sanh". Vậy hễ con tùy hợp chỗ nào thì tâm con sanh chỗ ấy.

Phật đáp : Đã tùy duyên sanh thì có thật thể hay không có thật thể ? Nếu có thật thể thì một thể hay nhiều thể ? Nếu một thể thì lý ưng chân bị bấm, tay phải cùng đau. Nếu nhiều thể thì phải có nhiều người. Vậy thể nào là Anan ?

6. Tâm ở chặng giữa :

Thưa : Con nghe Phật bàn thật tướng với ngài Văn Thù rằng : "Tâm chẳng ở trong, chẳng ở ngoài". Vậy con chắc nó ở chặng giữa.

Phật hỏi : Ở giữa thân hay ở giữa cảnh ?

Anan thưa : Giữa căn và trần.

Phật đáp : Căn là tinh thần, trần là vật chất. Vậy tâm ông ở giữa thuộc về loại nào ?

7. Tâm không dính mắc :

Thưa : Con nhớ Phật cùng 4 đại đệ tử chuyển pháp luân thường nói : "Tất cả không vướng mắc gọi là tâm". Vậy nay con không vướng mắc vào đâu gọi đó là tâm.

Phật dạy : Các hình tượng trong thế gian cùng với các loài thủy lục không hành, tất cả là có hay không có ? Không thì đồng như lông rùa sừng thỏ, còn gì để không vướng mắc. Nếu có thì bỏ vướng mắc, lại chấp vào cái không vướng mắc. Dù có ngồi một chỗ nhắm mắt bịt tai cũng vẫn mắc vào cái tướng vắng lặng u nhàn, làm sao nói tất cả không vướng mắc ?

II. CHÁNH PHÁ VỌNG TÂM :

1. Anan thỉnh pháp. Phật dạy 2 căn bản :

Anan thỉnh pháp Samatha để dẹp tà kiến.

Phật dạy : Chúng sanh điên đảo chịu "Hoặc Nghiệp Khổ" xoay vần. Người tu hành chẳng thành công đều vì không biết :

a) Căn bản sanh tử : Tâm phan duyên lầm nhận làm tự tánh.

b) Căn bản Bồ-đề : Thức tinh nguyên minh (tánh thấy tánh nghe...), chính là nguồn sinh sống mà không tự biết.

2. Đích chỉ vọng tâm :

Để thử xem Anan có nhận định được thật không, Phật giơ nắm tay hỏi : Ông thấy gì ?

— Con thấy nắm tay quang minh chói lòa cả tâm mắt con.

— Mắt ông ta đã thấy. Còn ông lấy gì làm tâm để đương với nắm tay ta ?

— Như Lai lại hỏi tâm ở đâu. Con suy nghĩ tìm cầu. Chính cái suy nghĩ ấy là tâm con.

— Dốt lắm ! Anan cái ấy không phải tâm ông.

Anan giật mình hỏi : Vậy nó là cái gì ?

— Đó là tưởng đến cái tướng hư vọng của tiền trần. Chính cái vọng tưởng này nó làm mê hoặc, khiến ông quên mất chân tâm vốn vẫn thường trụ mà chịu luân chuyển.

Anan cãi : Chính tâm này đã khiến con ái Phật xuất gia. Chính tâm này đã khiến con phụng sự hằng sa chư Phật. Chính tâm này đã dũng mãnh hành những pháp sự khó làm. Dù con có báng pháp, vĩnh thoái thiện căn, cũng do tâm này. Nay Phật bảo nó không phải tâm, vậy con đồng với cây đá, không có tâm sao ?

3. Phân biệt chân vọng :

Phật an ủi : Ngọn cỏ lá cây còn có cội gốc, huống chi Anan làm sao lại không có chân tâm thật thể. Ta không cấm ông nhận suy nghĩ làm tâm, ta chỉ khuyên ông tinh vi suy xét :

a) Đối trần không mê, lìa trần không mất, đó là chân tâm. Như A Na Luật Đà không mắt mà thấy. Rồng Bạt Nan Đà không tai mà nghe. Cô Căng Già không mũi mà ngửi. Kiều Phạm Ba Đề lưỡi trâu mà biết vị cõi trời cõi người. Thuấn Nhã Đa không thân mà xúc. Ca Diếp diệt ý thức mà biết cả tam thiên đại thiên thế giới. Những vị này 6 căn không đối 6 trần mà tánh linh giác vẫn hiện tiền.

b) Đối trần liền mê, lìa trần liền mất, đó là vọng tâm. Thí như ngày nay Anan tai phải đối âm thanh mới nghe, mắt gặp sắc mới phân biệt. Dầu ông ngồi yên lặng chỉ giữ một u nhàn, cảnh u nhàn đó cũng là tiền trần ảnh sự. Trần lao là thứ vô thường, một khi biến diệt đi rồi, tâm ông cũng đã diệt theo. Vậy ông còn gì làm tâm để tu chứng vô sanh pháp nhẫn ? (Phật kích thích khiến Anan quả quyết bỏ 6 thức sanh diệt, trở về 6 căn chân thường).

B/- KHAI TRI KIẾN PHẬT :

1. Kiến tinh là tâm linh giác :

Người mù tối tăm nhờ bác sĩ chữa khỏi, thấy được sự vật, nói rằng : "mắt thấy". Người mắt lành trong đêm tối nhờ ánh đèn thấy được sự vật, đáng lẽ phải nói rằng "đèn thấy". Như vậy, Anan nên biết, đèn hay hiển sắc còn thấy là mắt chớ không phải đèn, mắt hay hiển sắc còn tánh thấy là tâm chớ không phải mắt.

2. Kiến tinh bất động :

Kiều Trần Như trình bày 2 nghĩa "Khách Trần". Trong quán trọ hành khách ăn nghỉ rồi lại lên đường. Thật chủ nhân không có tới lui. (Khách dụ kiến hoặc).

Ánh nắng mặt trời rọi qua khe cửa, bụi trần giao động lăng xăng. Hư không vẫn tịch lặng. (Bụi trần dụ tư hoặc).

Phật dạy : Chúng sanh lấy nghĩa giao động gọi là trần, bất trụ gọi là khách. Nay các ông xem đầu Anan giao động, tánh thấy không giao động. Tay ta có nắm mở, tánh thấy không hề co duỗi. Tại sao các ông cứ lấy động làm thân, lấy động làm cảnh. Từ khi sanh cho đến khi chết, cứ nhận vọng tưởng niệm niệm sanh diệt làm tâm. Quên mất tánh chân thật, điên đảo hành sự, nhận vật làm mình, tự chuốc lấy luân hồi lưu chuyển.

3. Kiến tinh bất diệt :

Vua Ba Tư Nặc bạch Phật : Thân con vô thường biến hoại niệm niệm không dừng, âm thầm thay đổi lúc nào không biết.

Năm 20 tuổi tuy nói là trẻ mà thật đã già hơn năm lên 10. Năm 30 tuổi lại già hơn khi 20. Bây giờ 62 tuổi, so với ngày 50 thật kém phần cường tráng. Xét kỹ hàng năm, hàng tháng, hàng ngày, niệm niệm dời đổi, nên biết thân này chắc chắn hoại diệt.

Phật hỏi : Năm lên mấy ông thấy sông Hằng ?

Vua đáp : Từ năm lên 3 đến nay 62 tuổi, con thấy sông Hằng vẫn không có gì thay đổi.

Phật dạy : Đại vương tự tủi thân già tóc bạc da nhăn mà cũng tự nhận biết tánh thấy không già không nhăn. Có già có nhăn là có biến hoại. Không già không nhăn là không biến hoại. Kiến tinh đã chẳng theo thân Đại vương mà có trẻ có già, thì biết kiến tinh cũng chẳng theo thân Đại vương mà hoại diệt.

4. Kiến tinh viên mãn :

Anan thưa : Tánh thấy bất diệt sao Phật bảo chúng con đánh mất chân tánh, điên đảo hành sự ?

Phật hỏi : Người thế gian cho cánh tay giơ lên là chánh, rủ đầu ngón tay chúc xuống đất là đảo. Điên đảo chỉ ở chỗ đầu đuôi để lộn chớ cánh tay vẫn y nhiên không thêm không

bớt. Vậy ông hãy xét vì sao thân Như Lai gọi là chánh biến tri mà thân các ông gọi là điên đảo tánh ?

Anan và đại chúng cùng ngẩn ngơ không biết thân tâm mình điên đảo ở chỗ nào.

Phật thương xót chỉ dạy : Mê muội thành hư không. Trong tăm tối kết ám thành sắc. Sắc tạp vọng tưởng, tướng của vọng tưởng là thân. Tụ duyên giao động bên trong, rong ruổi theo cảnh bên ngoài. Một khi đã nhận cái mịt mù rối loạn ấy làm tâm tánh thì quyết lầm tâm ở trong thân. Đâu có biết rằng cả thân lẫn núi sông thế giới, đều là vật hiện trong diệu minh chân tâm. Thí như bỏ trăm ngàn biển lớn, chỉ nhận một mảnh bọt nổi, rồi trở lại cho bọt là tất cả. Ông là người trong mấy tầng mê, thật đáng thương xót !

5. Kiến tinh vô sanh :

Anan thưa : Con tuy đã hiểu diệu minh tâm địa viên mãn thường trụ, nhưng hiểu đây là do tâm phan duyên chiêm ngưỡng suông mà thôi, chớ thật chưa dám nhận là bản tâm của mình.

Phật dạy : Còn dùng tâm phan duyên nghe pháp thì chỉ được pháp duyên chứ chưa được pháp tánh. Pháp như ngón tay chỉ mặt trăng, người nghe nên nhân ngón tay mà nhìn thẳng mặt trăng.( ) Nếu phải có pháp âm của tôi làm duyên mới nghe thì khi pháp âm diệt rồi, tâm phan duyên cũng như lữ khách theo duyên mà diệt. Nay ta chỉ cho ông diệu tịnh minh tâm thường trụ. Ông hãy xem các tướng sanh diệt đều có chỗ trả về :

Sáng trả về cho mặt trời, tối trả về cho đêm không trăng, thông trả về cho cửa mở, bít trả về cho tường vách... còn kiến tinh ông định trả về đâu ?

Những vật có chỗ trả về dĩ nhiên chẳng phải của ông. Còn thứ không chỗ trả về, nếu không phải của ông thì của ai ? Nên biết tâm ông vốn diệu minh tịnh. Ông tự mê muội bỏ chủ theo khách để chịu trôi dạt trong đường sanh tử. Cho nên Như Lai bảo là đáng thương.

6. Kiến tinh chân ngã :

Anan thưa : Làm sao biết được kiến tinh thật là chân tánh của con ?

Phật đáp : Anan có tuệ nhãn thấy tới sơ thiền. A Na Luật Đà có thiên nhãn thấy khắp Diêm-phù-đề. Các Bồ-tát có pháp nhãn thấy khắp mười phương. Phật có Phật nhãn thấy khắp pháp giới. Chúng sanh có nhục nhãn thấy trong gang tấc. Năm lượng thấy khác nhau nhưng đều là tánh thấy.

Vạn vật muôn hình ngàn sắc biến hóa sanh diệt. Tánh thấy chủ nhân ông đứng nhìn vạn vật kia, tự nó không thay đổi, không xen tạp. Chẳng những không xen lộn với vạn vật mà công dụng cũng không lẫn lộn với tánh thấy của người khác. Ông thấy là ông thấy chớ không phải tôi thấy. Tánh thấy châu biến chẳng ông còn ai ? Sao ông cứ tự nghi, không nhận lấy chân tánh của mình mà cứ theo tôi cầu tâm chân thật.

7. Kiến tinh tùy duyên bất biến :

Thưa : Nếu tánh thấy chu biến viên mãn ấy thật là con, thì sao khi ở ngoài, con thấy khắp bầu trời. Khi vào trong nhà, con chỉ thấy tường vách. Hay là tánh thấy có co duỗi đứt nối ?

Phật dạy : Lớn nhỏ trong ngoài đều là tướng của tiền trần.( ) Ví như trong hộp vuông tựa hồ có hư không vuông, trong hộp tròn tựa hồ có hư không tròn. Muốn vào cảnh giới không vuông tròn, chỉ nên vứt những hộp đi. Chẳng nên nói phải trừ tướng vuông tròn của hư không. Hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay, mê mình làm vật, quên mất bổn tâm, bị vật lưu chuyển nên thấy lớn nhỏ. Nếu chuyển được vật tất đồng Như Lai, thân tâm viên minh, không động đạo tràng, nơi một đầu lông ngậm khắp mười phương quốc độ.

8. Kiến tinh bất nhị :

Thưa : Nếu kiến tinh vô phân biệt ở khắp mười phương thật là diệu tánh của con. Vậy thì thân tâm hiện tại đang biết phân biệt là cái gì ?

Phật bảo : Ông hãy tìm khắp trên trời dưới đất rồi đích chỉ xem trong vạn vật cái nào là kiến tinh.

Anan bạch : Từ giảng đường con nhìn ra thấy sông Hằng, ngửa lên thấy mặt trời. Lấy tay chỉ được, từ mắt thấy được, đều toàn là vật chẳng phải kiến tinh.

Phật ấn chứng : Đúng vậy, đúng vậy !

Lại bảo : Anan ông nhìn khắp vạn vật rồi đích chỉ cái nào chẳng phải kiến tinh.

Anan thưa : Nếu cây chẳng phải kiến tinh làm sao thấy được cây.( ) Nay con nhìn khắp, suy nghĩ kỹ càng, tất cả vạn vật, chẳng thứ nào không phải kiến tinh.

Phật ấn chứng : Đúng vậy, đúng vậy !

Rồi Phật giảng : Kiến tinh diệu minh cùng với hư không và trần cảnh vốn là Vô-thượng Bồ-đề tịnh viên chân tâm, hư vọng mà thành sắc không cùng văn kiến. Như mặt trăng thứ 2 là mặt trăng thật hay không phải là mặt trăng ?( ) Chỉ có một mặt trăng chân thật, trung gian không có cái gì phải mặt trăng hay không phải mặt trăng. Vì thế nay ông quan sát kiến văn và không sắc, phát minh ra đủ thứ, đều là vọng tưởng, nên chẳng thể vượt khỏi những nghị luận vu vơ "phải" hay "không phải". Nếu ông biết tất cả đều là chân tịnh diệu giác thì ông liền ra khỏi những rắc rối "chỉ được" hay "không chỉ được".

9. Kiến tinh siêu tình (vượt ngoài tình chấp) :

Thưa : Phật ở núi Lăng Già vì các ông Đại Tuệ nói: "Ngoại đạo chủ trương thuyết tự nhiên, còn ta nói vạn vật do nhân duyên sanh". Ngày nay Phật dạy tánh giác trạm nhiên thường trụ, con thấy tựa như không phải nhân duyên. Làm thế nào để chúng con hiểu rõ, khỏi lạc về tà thuyết tự nhiên của ngoại đạo ?

Phật dạy : Ông nên biết tánh giác diệu minh, không phải nhân, không phải duyên, không phải tự nhiên, cũng không phải không tự nhiên, rời tất cả tướng tức tất cả pháp.( )

Sao ông cứ đem những danh tướng hý luận của thế gian mà phân biệt. Như người muốn nắm bắt hư không thì chỉ tự mệt nhọc, hư không có bao giờ để ông nắm bắt.

10. <u>Kiến tinh chưa phải là kiến tánh</u> :

Kiến tinh còn đeo 2 vọng kiến, phát sanh Hoặc Nghiệp, khiến nghiệp thức luân chuyển thọ báo :

a) Biệt nghiệp vọng kiến : Ví như người mắt nhặm thấy quanh đèn có vòng 5 sắc, mắt nhặm và vòng 5 sắc đều là bệnh.

b) Đồng nghiệp vọng kiến : Hai nước ở bên cạnh nhau. Tất cả nhân dân nước bên này đều thấy sao chổi. Người nước bên kia không thấy gì cả.

Phật kết : Ông nay thấy tôi cùng 10 loài chúng sanh ở thế gian này đều là do mắt bệnh. Kiến văn giác tri cùng với cảnh trần đều là bệnh.

Kiến tánh thấy được bệnh mê vọng này tự nó không bệnh.

Mười phương quốc độ cùng các chúng sanh đều là giác minh vô lậu diệu tâm, kiến văn giác tri hư vọng bệnh duyên, hòa hợp vọng sanh, hòa hợp vọng tử. Nếu có thể xa lìa các duyên hòa hợp cùng bất hòa hợp thì liền có thể diệt trừ các nhân sanh tử mà viên mãn Bồ-đề bất sanh diệt tánh.( )

C - VẠN PHÁP QUY VỀ NHƯ LAI TẠNG

Anan, bởi vì ông còn chưa biết, hết thảy các tướng huyễn hóa phù trần, đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận, huyễn vọng gọi là tướng. Tánh chân thật của nó là diệu giác minh thể. Như vậy cho đến 5 ấm, 6 nhập, 12 xứ, 18 giới đều do nhân duyên hòa hợp hư vọng có sanh, nhân duyên biệt ly hư vọng gọi là diệt. Đâu có biết rằng sanh diệt đi lại vốn là Như Lai Tạng thường trụ diệu minh bất động chu viên diệu chân như tánh. Trong tánh chân thường cầu các pháp khứ lai, mê ngộ, sanh tử, rốt ráo chẳng thể được.

1. <u>5 ấm</u> :

Anan, làm sao 5 ấm vốn là tánh chân như nhiệm mầu của Như Lai Tạng ?

<u>SẮC ẤM</u> : Này Anan, ví như có người 2 mắt lành lặn đứng ngó hư không trong trẻo. Nếu cứ trừng trừng nhìn mãi, mắt mỏi sẽ thấy hoa đốm lăng xăng trong hư không. Hoa đốm không từ con mắt ra, không từ hư không ra. Muốn hết hoa đốm, chỉ cần cho mắt nghỉ, đừng làm mắt mệt mỏi. Muốn hết sắc ấm, chỉ cần sạch nghiệp.

Vậy biết sắc ấm hư vọng giả hiện. Đã không thật thì đâu có thể nói là nhân duyên sanh hay tự nhiên sanh. Tại chỗ sắc ấm khởi, tại chỗ sắc ấm diệt, Như Lai Tạng diệu chân như tánh chủ nhân ông vẫn thường trụ diệu minh.

<u>THỌ ẤM</u> : Có người tay chân an ổn, trăm vóc điều hòa, vì không trái thuận nên như quên mình. Nếu lấy 2 tay xoa vào nhau một lúc thì liền có cảm xúc nóng lạnh, trơn rít hiện ra.

Này Anan, cảm xúc kia từ hư không ra hay từ bàn tay ra ? Khi hợp, bàn tay có cảm xúc. Khi ly, cảm xúc chạy đâu ? Lẽ ra phải có một vật đi vào xương, thịt cánh tay.

Vậy biết thọ ấm hư vọng giả hiện. Đã không thật thì đâu có thể nói là nhân duyên sanh hay tự nhiên sanh. Tại chỗ thọ ấm khởi, thọ ấm diệt, Như Lai Tạng diệu chân như tánh chủ nhân ông vẫn thường trụ diệu minh.

TƯỞNG ẤM : Gánh hát bội đang hành nghề ở một thôn kia. Tiếng kèn làm nhịp cho các vũ nữ nhảy múa, bỗng tắc tị. Anh thổi kèn đập một đứa nhỏ đứng trước mặt. Thì ra tại mắt anh trông thấy đứa trẻ chấm muối nhai me mà miệng anh ra nước bọt, nên kèn tắc tị, khiến cả thôn xóm mất vui. Vậy thật lỗi tại ai ? Trẻ ăn me ở miệng nó, can gì anh không thổi được kèn ?

Vậy biết tưởng ấm hư vọng giả hiện. Đã không thật thì đâu có thể nói là nhân duyên sanh hay tự nhiên sanh. Tại chỗ tưởng ấm khởi, tưởng ấm diệt, Như Lai Tạng diệu chân như tánh chủ nhân ông vẫn thường trụ diệu minh.

HÀNH ẤM : Dòng sông kia đang chảy, lớp nước này theo lớp nước khác, những làn sóng nối nhau không ngừng nghỉ. Xét cái chảy kia từ nước ra hay từ hư không ra ? Nếu chảy là tánh của nước thì nước đứng trong hồ không phải là nước hay sao ? Nếu chảy do hư không thì cả bầu hư không kia sao không thành dòng sông ? Nên biết chảy không phải từ nước hay từ hư không ra nhưng cũng không rời nước và hư không mà có sự trôi chảy.

Anan nên biết hành ấm hư vọng giả hiện. Đã không thật thì đâu có thể nói là nhân duyên sanh hay tự nhiên sanh. Tại chỗ hành ấm khởi, hành ấm diệt, Như Lai Tạng diệu chân như tánh chủ nhân ông vẫn thường trụ diệu minh.

THỨC ẤM : Anan, ví như có người lấy bình tần già, bịt cả 2 vòi, rồi vác đầy bình hư không, đi xa ngàn dặm, đem biếu nước khác. Này Anan, hư không trong bình không từ phương kia đến, cũng không tới phương này. Nếu từ phương kia đến thì khi cái bình đã đựng hư không đem đi, ở chỗ cũ phải thiếu hư không. Nếu đưa hư không vào phương này, thì khi mở miệng bình trút ra, phải thấy hư không ra. Nếu đã có ra có vào thì đâu còn gọi là hư không.

Nên biết thức ấm giả dối cũng như vậy, không phải tánh nhân duyên, không phải tánh tự nhiên. Tại chỗ thức ấm đến, thức ấm đi, Như Lai Tạng diệu chân như tánh, chủ nhân ông vẫn thường trụ diệu minh.( )

2. 7 đại :

ĐỊA ĐẠI : Anan ! Ông hãy xét tánh của đất, lớn thì làm đất liền, nhỏ thì làm hạt bụi. Chẻ hạt bụi nhỏ tột ra làm 7 phần thì sẽ được 7 lân-hư-trần. Nếu đem lân-hư-trần ra chẻ nữa, thì thật chỉ thành hư không. Này Anan, nếu lân-hư-trần chẻ thành hư không thì ra hư không từ sắc tướng sanh, gom hư không lại sẽ thành sắc tướng. Nay ông cho rằng do hòa hợp mà sanh các tướng biến hóa trong thế gian. Vậy ông hãy xét lân-hư-trần đã chẻ được thành hư không, thì phải chẻ bao nhiêu sắc tướng mới có cả bầu hư không ? Ai cũng biết sắc tướng hợp lại chỉ thành sắc tướng, không thể thành hư không. Còn hư không hợp lại chỉ thành hư không, không thể thành sắc tướng. Sắc tướng có thể chẻ ra được chớ hư không làm sao hợp lại được.

Ông còn không biết trong Như Lai Tạng, tánh sắc chân không, tánh không chân sắc, thanh tịnh bản nhiên chu biến pháp giới, tùy tâm chúng sanh, ứng lượng sở tri, tuần nghiệp phát hiện. Thế gian không biết, lầm là tánh nhân duyên hay tánh tự nhiên, đều là thức tâm phân biệt đo lường. Chỉ có lời nói suông, không thật nghĩa.

<u>HỎA ĐẠI</u> : Anan, lửa không tự thể, nương các duyên mà phát hiện. Các nhà trong thành, khi muốn nhóm bếp, tay cầm kính dương toại, đưa ra mặt trời lấy lửa. Anan, nếu lửa nhân hòa hợp mà có, thì khi người kia cầm kính lấy lửa, lửa ấy từ kính ra, từ ánh sáng mặt trời ra hay do bùi nhùi mà ra ? Nếu từ mặt trời đến đốt được bùi nhùi trong tay ông, thì bao nhiêu rừng cây ánh sáng mặt trời đi qua, lẽ ra đều đã bị đốt cháy. Nếu từ kính ra, lửa đã đốt cháy bùi nhùi, làm sao kính không chảy, tay cầm kính không thấy nóng ? Nếu lửa do bùi nhùi ra thì cần gì đến ánh sáng mặt trời ? Ông hãy xét kỹ : Kính cầm ở tay, mặt trời ở cao. Không hòa không hợp, thế thì lửa từ đâu mà có ?

Ông còn không biết trong Như Lai Tạng, tánh lửa chân không, tánh không chân lửa, bản nhiên thanh tịnh cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh, đáp ứng với lượng hay biết, tuần nghiệp phát hiện. Này Anan, một chỗ cầm kính, một chỗ có lửa. Khắp pháp giới cầm kính, khắp pháp giới có lửa. Lửa bốc khắp thế gian, đâu có phương sở riêng biệt. Người đời không biết, lầm là nhân duyên và tánh tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức. Chỉ có lời nói suông, không thật nghĩa.

<u>THỦY ĐẠI</u> : Anan ! Tánh nước khi dừng khi chảy. Trong thành Thất La Phiệt, các ông Tiên cần nước làm thuốc, đợi đêm sáng trăng, cầm ngọc phương-chư hứng nước trong ánh mặt trăng. Anan, nếu nước từ trăng đến thì những rừng cây, ánh sáng mặt trăng đi qua, lẽ phải đẫm nước. Vậy can gì phải đợi ngọc phương-chư ? Nếu nước từ ngọc ra thì ngọc thường chảy nước, sao còn phải đợi sáng trăng ? Ông hãy xét kỹ : Trăng ở trên trời, châu do tay cầm, mâm hứng nước ở trên bàn, không hòa không hợp.

Anan, ông còn không biết trong Như Lai Tạng, tánh nước là chân không, tánh không là thật nước, bản nhiên thanh tịnh, cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh, đáp ứng với lượng hay biết. Một chỗ cầm hạt châu, một chỗ có nước. Khắp pháp giới cầm hạt châu, khắp pháp giới có nước. Nước sanh khắp thế gian, đâu có phương sở riêng biệt, theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, lầm là nhân duyên và tánh tự nhiên, đều là những so đo phân biệt của ý thức. Chỉ có lời nói suông, không thật nghĩa.

<u>PHONG ĐẠI</u> : Anan, gió không có tự thể, động tĩnh không chừng. Những khi nóng nực ông thường quạt, liền có chút gió phẩy lên mặt. Nếu gió từ quạt ra thì quạt thường ra gió, cần gì đến tay ông phẩy. Ông hãy xét cho kỹ : Quạt ở tay ông, mặt ở đầu ông, khắp chung quanh hư không tĩnh lặng. Vậy gió từ phương nào rong ruổi đến đây ? Không hòa không hợp. Không lẽ gió kia không do đâu mà tự có ?

Ông thật không biết trong Như Lai Tạng, tánh gió là chân không, tánh không là thật gió, bản nhiên thanh tịnh cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh, đáp ứng với lượng hay biết. Anan, một mình ông quạt thì có chút gió phát ra. Khắp pháp giới đều quạt thì khắp pháp giới gió sanh. Gió đầy dẫy thế gian, đâu có phương sở riêng biệt, chỉ theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, lầm là nhân duyên và tánh tự nhiên, đều là những so đo phân biệt. Chỉ có lời nói suông, không thật nghĩa.

KHÔNG ĐẠI : Anan, hư không không có hình tướng, nhân sắc tỏ bày. Những người đào giếng, đào đất ra 1 thước thì trong giếng có 1 thước hư không. Đào đất ra 1 trượng thì trong giếng có 1 trượng hư không. Ông hãy xét kỹ : Đào do tay người ; Đất, từ nơi đất liền dời đi ; Hư không ở trong giếng nhân đâu mà ra ? Đào là việc làm, đất là chất đặc, hư không rỗng trống. Cả 3 không hòa không hợp. Không lẽ hư không chẳng do đâu mà tự ra ? Hư không ở khắp mọi nơi, không lay động, cùng với đất nước gió lửa, gọi là 5 đại, tánh thật viên dung, vốn là Như Lai Tạng không sanh không diệt.

Ông còn chưa biết trong Như Lai Tạng, tánh giác chân không, tánh không chân giác, bản nhiên thanh tịnh cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh, đáp ứng với lượng hay biết. Anan ! 1 nơi đào giếng thì có 1 giếng hư không. 10 nơi đào giếng thì có 10 giếng hư không. Không đại cùng khắp mười phương, đâu có phương sở riêng biệt, chỉ theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, lầm là nhân duyên và tánh tự nhiên, đều là những so đo phân biệt. Chỉ có lời nói suông, không thật nghĩa.

KIẾN ĐẠI : Anan, kiến-đại giác mà không phân biệt. Như hiện nay, sớm mai thì sáng, ban đêm thì tối. Tướng sáng tối hiện rõ trong cái Thấy. Ông hãy xét cho tỏ, suy xét chín chắn, nhận cho cùng, nghiên cứu cho kỹ. Sáng là do mặt trời, tối là do đêm không trăng, thông suốt thuộc hư không, còn đất liền thì ngăn bít. Vậy cái Thấy nhân đâu mà ra ? Cái thấy có giác biết, hư không ngoan ngu, không hòa không hợp. Tất cả các sự thấy nghe hay biết, bản tánh viên mãn cùng khắp, vốn không lay động. Nên biết kiến-đại cùng với hư không vô biên bất động, và 4 đại địa thủy hỏa phong đều gọi là 6 đại, tánh thật viên dung, vốn là Như Lai Tạng vô sanh bất diệt.

Anan, ông chưa từng biết trong Như Lai Tạng, cái thấy là tánh minh của bản giác, tánh minh của bản giác biểu lộ nơi cái thấy, bản nhiên thanh tịnh cùng khắp pháp giới, theo tâm chúng sanh, đáp ứng với lượng hay biết.

Cái thấy tuy hạn cuộc nơi con mắt nhưng bản thể ở khắp pháp giới. Nghe, ngửi, nếm, xúc và biết, công năng nhiệm mầu sáng suốt cũng cùng khắp pháp giới, đâu có phương sở riêng biệt, chỉ theo nghiệp mà phát hiện. Thế gian không biết, lầm là nhân duyên và tánh tự nhiên, đều là những phân biệt so đo. Chỉ có lời nói suông, không thật nghĩa.

THỨC ĐẠI : Anan, thức đại không có nguồn gốc, nhân căn trần giả dối phát ra. Nay ông thấy khắp Thánh chúng, không phân tách, không phân biệt. Mọi người hiện ra như bóng trong gương. Cái thức của ông thứ lớp chỉ : Đây là Văn Thù, đây là Xá Lợi Phất. Thức nhận biết như thế là do cái thấy, do hình tướng, do hư không, hay không nhân gì mà bỗng nhiên có ?

Ông hãy xét kỹ, nhận xét chín chắn. Cái thấy nương nơi mắt ông ; các tướng trả về cho tiền cảnh ; còn cái thức nhân đâu mà có ? Thấy trừng lặng, Thức biến động, không hòa không hợp. Nên biết thức đại phân biệt, bản tánh hư vọng, tùy duyên giả hiện. Thức đại và kiến đại cùng với hư không đất nước gió lửa, gọi chung là 7 đại, tánh thật viên dung, vốn là Như Lai Tạng không sanh không diệt.

Ông vốn không biết trong Như Lai Tạng, thức là tác dụng nhận biết của tánh minh bản giác. Tánh minh bản giác thật là chân tánh của thức đại. Thức ẩn hiện cùng khắp pháp giới, đâu có phương sở riêng biệt, chỉ theo nghiệp mà phát khởi. Thế gian không biết, lầm là nhân duyên và tánh tự nhiên, đều là những so đo phân biệt. Chỉ có lời nói suông, không thật nghĩa.

3. <u>Anan phát nguyện</u> :

Anan và đại chúng được đức Như Lai vi diệu khai thị, tự biết chân tâm ở khắp mười phương. Vạn vật trong thế gian đều giả hiện nơi đó. Ngó lại cái thân cha mẹ sanh thành chẳng khác hạt bụi chợt còn chợt mất, như mảnh phù âu thoạt nổi thoạt tan. Ông sung sướng lễ Phật, nói kệ ca ngợi công đức Phật, phát nguyện trên thờ chư Phật trong các cõi nhiều như vi trần, dưới độ chúng sanh như hằng hà sa.

D/- QUYẾT NGHI

Phú Lâu Na hỏi :

1) Như Lai Tạng bổn nhiên thanh tịnh, vì sao hốt nhiên thành các tướng hữu vi, thứ lớp thiên lưu, diệt rồi lại sanh, nối tiếp không dứt ?

2) Làm sao 7 đại đồng viên dung khắp pháp giới mà không lấn diệt lẫn nhau ?

3) Bản diệu giác minh của chúng sanh vốn đồng tâm Phật, không tăng không giảm. Vô trạng hốt sanh núi sông đất liền các tướng hữu vi. Như Lai nay được diệu không minh giác. Xin hỏi bao giờ núi sông đất liền cùng chúng sanh nghiệp quả lậu tập lại sanh ra nữa ?

4) Hết thảy chúng sanh nhân đâu có vọng, tự lấp diệu minh mà chịu luân chuyển ?
Phật đáp :

1- Tánh giác bất nhị. Vì mê vọng muốn minh tánh giác nên thành biển thức có năng minh và sở minh. Trong tánh không đồng không dị, nay thành có dị có đồng, mở ra muôn trùng phân biệt. Biển thức trần lao chuyển sanh phiền não. Một niệm vọng minh là ông Tổ vô minh phát nghiệp nên có 3 thứ thế giới, chúng sanh, nghiệp quả, nối tiếp xoay vần từ vô thủy không dứt.( )

2- Xét về tướng thì 7 đại hư vọng nên đâu có sự lấn diệt. Xét về tánh thì nguyên thể chân thường nên viên dung khắp pháp giới. Chúng sanh vì nghiệp thức phân biệt nên có tướng sắc tướng không khuynh đoạt lẫn nhau, thành ra có uế độ và trần lao.

Như Lai bội trần hợp giác nên chỉ có một thể diệu giác viên chiếu khắp mười phương, ly nhất thiết tướng, tức nhất thiết pháp, vô biên diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn.
Bản giác diệu tâm ví như chiếc dương cầm, ngón tay vụng về chỉ phát ra bản nhạc trần lao mệt nhọc. Còn tay tài tử thì ở ngay nơi đó phu tấu nhạc điệu du dương.

Muốn cầu Vô-thượng Bồ-đề cần phải có diệu trí.

3- Mê không từ mê mà ra vì mê không có nguồn gốc. Mê không từ ngộ mà ra vì ngộ không thể sanh mê. Như người mê 4 phương hướng. Khi đã được chỉ cho biết thì không còn mê nữa. Mắt nhặm thấy hoa đốm ở hư không. Đến khi bệnh khỏi, mắt lành, thì hoa đốm không tái sanh nữa. Vàng đã lọc hết quặng, không trở lại thành quặng. Cây đã đốt thành tro, không bao giờ trở lại làm cây. Chúng sanh đã thành Phật, không bao giờ trở lại làm chúng sanh.

4- Vọng không nguyên nhân. Nếu có nguyên nhân đâu còn gọi là vọng. Diễn Nhã Đạt Đa vì sao mà cuồng ? Vì sợ mất đầu. Nay chỉ cần biết đầu vốn không mất thì cuồng tự hết. Các ông chỉ cần biết chân tánh bản lai thanh tịnh thường trụ, đừng cuồng loạn phân biệt nữa, tự nhiên không có 3 duyên tham, sân, si. Ba duyên đã không thì 3 nhân sát, đạo, dâm cũng hết mà giải thoát khổ báo luân hồi. Cuồng hết tức Bồ-đề. Chẳng phải cầu ai được cũng chẳng phải từ công phu nhọc nhằn tu chứng mà được.

MỤC II. TU ĐẠO (TAM MA)

A - HAI NGHĨA QUYẾT ĐỊNH

1. Nhân quả tương ưng :

Trong thân tâm ngũ trược, lựa bỏ căn bản sanh tử, lấy tánh viên trạm bất sanh diệt làm nhân tu để viên thành quả địa thường lạc ngã tịnh.

a) Sơ phục khách trần phiền não : Như để yên ly nước tự lắng, đất cát chìm xuống, nước trong hiện tiền.
b) Vĩnh đoạn căn bản vô minh : Như gạn lấy nước trong, bỏ phần cạn đục.
c) Tướng sáng tinh thuần rồi thì tha hồ ra vào sanh tử, biến hiện căn thân quốc độ, tự lợi lợi tha. Mỗi mỗi đều hợp với thanh tịnh diệu đức Niết-bàn.

2. Thẩm tường căn bản phiền não :

Nơi 8 thức phát nghiệp và nhuận sanh xét biết hư vọng căn trần điên đảo chỗ nào để hàng phục.

a) Tánh thể như hư không mà nay lại có hình tướng, chính vì 6 căn kết nút. Hễ giải được 6 căn, tất nhiên siêu thoát tam giới.

b) Được căn viên thông thì tu hành kết quả nhanh chóng gấp bội, 1 ngày bằng 1 kiếp. Vì thế phải chọn một căn mà chuyên tu.

c) 6 căn nhân trần mà kết nay lìa trần tức giải.

d) Một mặt lìa ràng buộc bên ngoài, một mặt phục về bên trong. Cho tới khi nguyên minh phát sáng thì thấy nghe hay biết bằng tánh diệu minh, không cần mắt tai...

đ) Sáu căn đã thoát thì khí giới cũng tiêu, ứng niệm hóa thành Vô-thượng tri giác.

e) Anan nghi : Căn nhân trần mà kết nay lìa trần thì không còn tánh thể. Phật sai La Hầu La đánh chuông 2 lần để hiện tiền Anan nhận xét, thanh trần sanh diệt chớ tánh nghe thường trụ. Lại dẫn thí dụ lúc chiêm bao, thân thể còn quên chớ tánh nghe không mê, thì biết con người khi chết hình chất tiêu tan, chớ tánh nghe không tiêu diệt. Chỉ vì từ vô thủy chạy theo thanh sắc nên vọng tâm tạp nhiễm. Tưởng tướng là trần, thức tình là cấu, xả 2 thứ này rồi thì pháp nhãn thanh tịnh, làm sao chẳng thành Vô-thượng tri giác.

B - GIẢI KẾT

Mười phương Phật khác miệng đồng lời bảo ông Anan : "Sáu căn chính là gốc sanh tử nhưng 6 căn cũng chính là gốc Bồ-đề".

Đức Phật Thích Ca giải nghĩa : "Tri kiến lập tri tức vô minh bản. Tri kiến vô kiến tư tức Niết-bàn". (Chấp chỗ thấy biết là thật, đó là gốc vô minh. Thấy biết coi như không, đó là Niết-bàn).

— Phật thắt trùng điệp 6 nút trên một cái khăn, để Anan tự biện cái nghĩa : Giải kết phải theo thứ lớp.

— Phật nhắc lại nguyên do kết căn : Từ vô thủy cuồng loạn phân biệt, tri kiến lao nhọc phát trần như mắt mỏi thì thấy hoa đốm. Thế gian núi sông sanh tử Niết-bàn đều là hoa đốm, điên đảo hiện ra trong tánh cuồng lao, chớ không phải thật.

— Phật xiết khăn về bên phải, lại xiết về bên trái, hỏi Anan : "Như vậy có cởi được không ?"

Anan thưa : "Phải giữa lòng nút tháo ra mới cởi được" (chấp cảnh lập biết là trung tâm của nút).

— Phật dạy thứ lớp gỡ nút :

1. NHÂN KHÔNG :

1 - Ngã chấp phân biệt.
2 - Ngã chấp câu sanh.

2. PHÁP KHÔNG :

3 - Pháp chấp phân biệt.
4 - Pháp chấp câu sanh.

3. CÂU KHÔNG :

5 - Năng không.
6 - Sở không.

— Gỡ được 6 nút ở 1 căn thì cả 6 căn nhất tề giải thoát. Mở xong 6 nút gọi là Bồ-tát từ Tam-ma-địa được vô sanh nhẫn.

— Anan thỉnh Phật chỉ căn Viên thông.

Vâng lời Phật, 25 vị Thánh tự trình bày chỗ tu của mình. 18 giới, 7 đại đều là cửa viên thông vào chánh giác.

— Phật sai Văn Thù chọn căn nào lợi cho Anan và chúng sanh thời mạt pháp cõi Ta-bà.

— Văn Thù chọn nhĩ căn của Quán Thế Âm Bồ-tát. Vì :

1. KHẾ LÝ :

Nhĩ căn là chánh nhân Bồ-đề (nhân quả tương ưng).

a) Viên : 10 phương đánh trống đồng thời nghe.

b) Thông : Cách vách cũng nghe, xa gần đều nghe.

c) Thường : Động tĩnh, ngủ thức, vẫn nghe. Thân tâm cảnh đều sanh diệt chỉ có tánh nghe thường còn.

2. KHẾ CƠ :

a) Hợp cơ Anan vì Anan đệ nhất đa văn.

b) Phổ cứu đại chúng vì ai cũng có văn tánh.

c) Hợp thời mạt pháp vì :

— Dễ tu. Chỉ cần xoay nghe trở lại (bạc phước không thể tu những pháp môn đòi hỏi nhiều điều kiện).

— Nhanh chóng kết quả. "Gẩy móng tay vượt hàng vô học" (mệnh trược vô thường đâu có nhiều thì giờ).

— Dễ chứng. "Còn vọng tưởng là còn đang học. Minh cực tức Như-Lai" (nặng nghiệp khó thành công với các pháp môn khác). "Tức sự xả trần lao, không phải người thường tu học được".

3. ĐÚNG THUỐC :

Bệnh Ta-bà : "Chúng sanh mê bản văn, theo âm thanh nên bị lưu chuyển".

Cần thuốc : "Đừng để âm thanh chuyển, trở vào dòng Thánh, liền hết hư vọng".

4. THIẾT YẾU :

a) Nhân thâu trần mà có căn. Nay thoát trần tức giải.

b) Căn về nguồn liền thoát tam giới (mắt hết bệnh liền hết hoa đốm).

5. GIẢN DỊ :

a) "Trần tiêu, giác viên tịnh".

b) Một căn trở về nguồn, 6 căn đồng giải thoát.

c) Một công 3 kết quả đồng thời.

	Tiêu trần.
Phản văn	Giải căn.
	Viên minh.

* Văn Thù nhấn mạnh : "Đây là con đường duy nhất vào cửa Niết-bàn".

Quá khứ Như Lai, hiện tại Bồ-tát, vị lai tu học, đều do cửa này mà chứng quả. Chính ngay Văn Thù cũng tu, chẳng phải riêng đức Quán Thế Âm. Vì các Thánh tu các pháp môn có cao thấp, dễ khó, lâu mau nhưng chung qui cũng từ căn bản trí mà chứng Bồ-đề. "Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền" là cảnh giới của căn bản trí.

Văn Thù đỉnh lễ Như Lai Tạng vô lậu khó nghĩ bàn, xin gia hộ vị lai, với môn này không lầm. Chân thật nhĩ căn là pháp viên thông, cứu vớt mạt kiếp trầm luân, đưa về an lạc thường trụ.

C - YẾU PHÁP HỘ ĐỊNH

1. Giới định tuệ. Bốn giới sát, đạo, dâm, vọng thanh tịnh như băng sương.
2. Kiến lập đạo tràng : Bày biện các hình tượng và các thứ cúng dường.
3. Thần chú Thủ Lăng Nghiêm vô biên công đức.
4. Chương trình an cư : 7 ngày đầu lễ mười phương Phật, 7 ngày sau phát nguyện Đại thừa, 7 ngày kế trì chú Thủ Lăng Nghiêm. Rốt cùng 100 ngày phản văn.

MỤC III. NHẬP ĐẠO (THIỀN NA)

A - MƯỜI HAI NHÂN ĐIÊN ĐẢO

Anan bạch Phật : Chúng con ngu dại, chỉ ưa học rộng nghe nhiều, chưa biết mong cầu xuất ly lậu tập. May nhờ ơn Phật từ huấn, được pháp chánh tu, hưởng đại lợi ích. Bạch đức Thế Tôn, con đường tu hành đi đến Niết-bàn phải trải qua những ngôi vị thế nào ?

Phật đáp : Chúng sanh phát khởi một niệm vọng động, liền trong căn ngoài trần, không trước không sau, đồng thời đầy đủ. 6 căn 6 trần năng tạo đủ số 12. Cho nên chúng sanh sở tạo nương theo tướng điên đảo của căn trần mà luân chuyển 12 loài.

1) Chúng sanh thân tâm hư vọng, tưởng điên đảo. Lâm chung gặp duyên khí giao cảm thành 84.000 loài đẻ trứng hoặc bổng như chim hoặc chìm như cá.

2) Chúng sanh thân tâm tạp nhiễm, dục điên đảo. Lâm chung gặp duyên ái tình thành 84.000 loài thai sanh như người, vật, Tiên, rồng.

3) Chúng sanh thân tâm chấp trước, su phụ điên đảo. Lâm chung gặp duyên ẩm ướt thành 84.000 loài thấp sanh như côn trùng, sâu bọ.

4) Chúng sanh thân tâm tráo trở, gian manh điên đảo. Lâm chung gặp duyên khí ấm thành 84.000 loài hóa sanh như bươm bướm, sâu gạo.

5) Chúng sanh thân tâm lưu ngại (thờ nước thờ lửa...), chướng tế điên đảo. Lâm chung gặp duyên ánh sáng ở ngoài thành 84.000 loài có sắc như các tinh sao hoặc lành hoặc dữ.

6) Chúng sanh thân tâm tiêu tản (chán có chấp không), mê hoặc điên đảo. Lâm chung gặp duyên ám tối, thành 84.000 loài vô sắc như các vị quỷ thần hư không và cõi trời Vô sắc.

7) Chúng sanh thân tâm vọng tưởng, bóng ảnh điên đảo. Lâm chung gặp duyên ức nhớ, thành 84.000 loài hữu tưởng như quỷ thần tinh linh.

8) Chúng sanh thân tâm ngu độn, si mê điên đảo. Lâm chung gặp duyên ngoan vật thành 84.000 loài vô tưởng như tinh thần hóa ra vàng đá.

9) Chúng sanh thân tâm tương đãi (đợi người làm cho mình hưởng), xảo quyệt điên đảo. Lâm chung gặp duyên cảnh nhiễm thành 84.000 loài phi hữu sắc như con sứa lấy bọt nước làm thân, lấy tôm làm mắt ; các loài hộ trùng trong thân v.v...

10) Chúng sanh thân tâm tương dẫn (dẫn dụ người ta), huyễn mỵ điên đảo. Lâm chung gặp duyên bùa chú, thành 84.000 loài phi vô sắc như các âm binh khi hô triệu thì có mà không thì thôi.

11) Chúng sanh thân tâm hợp vọng (chẳng phải con cưỡng nhận làm con, chẳng phải vật mình cưỡng nhận làm vật của mình, thật ly mà cưỡng hợp), man muội điên đảo (mờ tối). Lâm chung gặp duyên vật khác, thành 84.000 loài phi hữu tưởng như con bồ lô (sâu dâu).( )

12) Chúng sanh thân tâm oán thù, sát hại điên đảo. Lâm chung gặp duyên quái nghịch thành 84.000 loài phi vô tưởng như chim Thổ-cưu ấp cục đất thành con, chim Phá-cánh ấp trái độc thành con. Con lớn lên ăn thịt cha mẹ.

B - BA TIỆM THỨ

Mỗi chúng sanh đều có đủ 12 điên đảo nói trên. Muốn diệt trừ phải :

1) Trừ trợ nhân sanh tử : Kiêng ăn ngũ tân (tránh các thứ mê say như rượu, thuốc phiện, tránh tất cả các duyên tà mê).
2) Khoét bỏ chánh tánh chúng sanh : Giới luật tinh trì.
3) Trái với nghiệp hiện tại : Nghiêm hộ 6 căn để trừ tiệt 3 độc tham, sân, si.

Ngược dòng dục nhiễm, trở về một thể tinh minh, thân tâm khinh an, chứng vô sanh pháp nhẫn, từ nay tùy theo công hạnh mà an lập Thánh vị.

C - 54 QUẢ VỊ

— Càn tuệ : Tập khí ngũ dục mới khô cạn, căn cảnh tiếp xúc không lãnh thọ. Càn nghĩa là khô. Trí tuệ khô vì chưa tiếp giáp với dòng nước pháp của Như Lai.
— 10 ngôi Tín : Dùng 5 căn 5 lực gieo trồng Phật chủng.
— 10 ngôi Trụ : Sanh vào nhà Phật, ở trong nhà Phật làm Phật tử.
— 10 ngôi Hạnh : Vận lục độ làm Phật sự.
— 10 ngôi Hồi Hướng : Đem Phật sự hướng trở về Phật tâm.
— 4 ngôi Gia Hạnh để giác Trung đạo mà viên dung Tâm và Phật.
— 10 ngôi Địa : Thông đạt quả vị Đại giác, phát sanh chân như công dụng.

Thuận dòng vào biển Giác gọi là Đẳng Giác (giác ngang đồng với Phật). Tới khi công dụng đồng với Phật gọi là Diệu Giác.

D - 5 TÊN KINH

1) Đại Phật Đỉnh Tát Đát Đa Bát Đát Ra (bạch tán cái). Vô Thượng Bảo Ấn, Thập Phương Như Lai Thanh Tịnh Hải Nhãn.
2) Cứu Hộ Thân Nhân Đắc Bồ Đề Tâm, Nhập Biến Tri Hải.
3) Như Lai Mật Nhân, Tu Chứng Liễu Nghĩa.
4) Đại Phương Quảng, Diệu Liên Hoa Vương, Thập Phương Phật Mẫu Đà La Ni Chú.
5) Quán Đỉnh Chương Cú, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh, Thủ Lăng Nghiêm Kinh.

Nghe xong danh mục liễu nghĩa của kinh, ngài Anan tâm lự hư ngưng, đoạn trừ 6 phẩm vi tế phiền não tư hoặc trong tam giới.

GIẢI NGHĨA TÊN KINH

ĐẠI PHẬT ĐỈNH là đỉnh đầu Phật tối tôn tối quý. Bộ kinh này nói về trí tuệ vô thượng.

Đại : Lớn. Lớn đây không phải đối với nhỏ mà là bản thể của cả lớn lẫn nhỏ. Trí tuệ Phật đã chứng được chân tâm. Chân tâm là bản thể của vạn pháp gồm cả lớn lẫn nhỏ, không còn đối đãi.

Phật : Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

Đỉnh : Trong 32 tướng, vô kiến đỉnh tướng là cực tôn quý.

NHƯ LAI MẬT NHÂN : Hạt giống chủng tử Phật tánh. Y theo đây tu hành sẽ thành Phật.

Như Lai : Từ chân như trở lại thế gian để độ sanh. Như Lai là 1 trong 10 hiệu chung của mười phương ba đời chư Phật.

Mật nhân : Mật : Bí mật. Nhân : Hạt giống. Phải y nơi 1 trong 6 căn làm nhân địa tu hành mới chứng Phật quả. Sở dĩ gọi là mật nhân bởi vì :

a) Phàm phu và nhị thừa không biết.
b) Phật tánh tuy có sẵn nhưng ở phàm phu diệu dụng chưa phát huy.

TU CHỨNG LIỄU NGHĨA :

a- Tu không liễu nghĩa là lần mò theo các sự tướng, đến nỗi trải qua kiếp số như vi trần vẫn không thành Thánh quả.

b- Tu không liễu nghĩa là vì không biết mật nhân, chỉ lo dẹp phiền não, thành khuyết điểm trang nghiêm Tịnh-độ. Vì thiếu lòng từ bi cứu độ chúng sanh, không thể cứu cánh Phật quả.

c- Tu không liễu nghĩa : Dùng thức tâm phân biệt là tánh sanh diệt làm nhân tu nên kết quả mau chậm so với tu liễu nghĩa như một ngày với một đại kiếp.

Tu liễu nghĩa : Dùng căn tu, y theo thức tinh nguyên minh không sanh diệt để trở về tánh Phật. Nhĩ căn là liễu nghĩa trong liễu nghĩa.

Chứng liễu nghĩa : Chứng nhân không, pháp không, câu không. Được 2 pháp thù thắng, trên đồng với mười phương Phật bản diệu giác tâm, dưới hợp với mười phương chúng sanh một lòng bi ngưỡng. Đầy đủ quả dụng Vô-thượng Bồ-đề.

CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH :
Bồ-tát nói đủ là Bồ-đề Tát-đỏa.
Bồ-đề : Giác (biết thân, tâm, cảnh hư vọng, nhận được tánh Phật bình đẳng ở nơi hết thảy chúng sanh). Tát-đỏa : Hữu tình (loài có tình thức buồn vui mừng giận thương ghét...). Bồ-đề Tát-đỏa : a) Hữu tình cầu Phật đạo để tự giác tỉnh. b) Đem Phật đạo đi giác tỉnh thế gian.
Bồ-tát vạn hạnh : Bồ-tát tu từ càn tuệ đến Viên Giác gồm 54 ngôi. Xứng tánh đi làm Phật sự ở khắp mười phương.
THỦ LĂNG NGHIÊM : Định tự tánh, gồm 3 tướng :
a) Diệu định : Dù ở trong nghiệp báo si mê loạn động, tự tánh bản lai thường định. Công phu tu hành chỉ để trở về bổn định. Nếu phải tu mới có định thì chưa phải là Diệu định.
b) Viên định : Chẳng những tâm bất động mà còn thống nhiếp cả vạn sự vạn vật cùng không động. Nếu chỉ kềm chế riêng tâm không động thì chưa phải là Viên định.
c) Đại định : Động tĩnh nhất như. Nếu còn nhập xuất thì chưa phải là Đại định.

MỤC IV. HIỂM NẠN PHẢI ĐỀ PHÒNG

A - BẢY THÚ

Anan bạch : Sáu đạo luân hồi bản lai tự có hay vì tập nghiệp hư vọng của chúng sanh mà phát khởi ? Địa ngục là chỗ đã có sẵn nhất định hay do phát nghiệp mà tự chiêu vời quả báo ?

Phật khen : Câu hỏi hay lắm ! Khiến chúng sanh không bị tà kiến. Bảy thú mỗi mỗi riêng biệt tạo ác, tùy nghiệp tự chiêu vời ác báo nhưng vẫn có chỗ đồng phận thọ báo. Đó là do vọng tưởng phát sanh, chẳng phải bản lai tự có.

TÌNH VÀ TƯỞNG PHÂN CHIA

Này Anan, nhân ái nhiễm phát khởi vọng tình, tình chứa không thôi sanh ái thủy. Gặp thức ăn ngon, miệng chảy nước miếng ; thương nhớ người thân, con mắt lệ tràn ; tham cầu vật báu thân toát mồ hôi ; vướng mắc dâm dục hai căn nam nữ chảy dịch khí. Anan, vật ái tuy khác nhưng đồng cảm nước chảy. Nước chảy xuống là tướng sa đọa. Đây là nội phận chúng sanh.

Này Anan, khát ngưỡng phát minh lý tưởng. Tưởng mãi sanh thắng khí. Tâm giữ cấm giới, thân thể khinh thanh ; tâm trì chú ấn, con mắt hùng nghị ; tâm ước sanh thiên, chiêm bao bay lên ; tâm tưởng cõi Phật, thắng cảnh thầm hiện ; thờ thiện tri thức, coi nhẹ thân mình. Này Anan, đối tượng tâm tưởng tuy khác nhưng thắng khí cất lên thì đồng. Đây là ngoại phận chúng sanh.

Này Anan, thế gian sống chết tiếp nối. Sống thuận tập quán, chết theo nghiệp đổi dời. Mạng chung khi chưa hết hơi nóng, thiện ác một đời cùng hiện ra. Chết nghịch sống thuận, hai tập khí giao xen.

Thuần tưởng bay lên. Nếu có phước đức trí tuệ và tịnh nguyện thì tự nhiên tâm khai ngộ, thấy mười phương Tịnh-độ, theo nguyện vãng sanh.

Tình ít tưởng nhiều, bay lên không cao, làm đại lực quỷ vương, phi hành Dạ-xoa, đi khắp bốn cõi trời. Nếu có nguyện hộ pháp thì theo người trì giới, trì chú, thiền định v.v... thường ở dưới pháp tòa Như Lai.

Tình tưởng cân nhau, không lên không xuống, sanh về nhân gian. Nhiều tưởng thì thông minh, nặng tình thì ngu độn.

Tình nhiều tưởng ít lạc về bàng sanh, nặng làm loài có lông, nhẹ làm giống có cánh. Bảy tình ba tưởng, chìm xuống dưới thủy luân, sanh nơi mé hỏa luân, chịu khí phần của lửa. Thân làm ngã quỷ thường bị đốt cháy, trải trăm ngàn kiếp không ăn không uống.

Chín tình một tưởng xuống thấu hỏa luân, vào giữa giao giới phong luân và lửa. Nhẹ vào hữu gián địa ngục, nặng vào vô gián.

Thuần tình chìm sâu vào ngục A-tỳ. Nếu lại có tội hủy báng đại thừa, phá cấm giới Phật, giả dối nói pháp để cầu danh lợi, hoặc phạm ngũ nghịch thập trọng thì còn sanh về mười phương địa ngục.

Theo ác nghiệp gây ra, tự chuốc lấy quả báo nhưng trong đồng phận vẫn có chỗ sẵn.

a/. Mười nhân địa ngục :

1- Dâm : Cột đồng, giường sắt, địa ngục nóng...
2- Tham : Địa ngục lạnh, thịt nứt như sen xanh...
3- Mạn : Nước đồng nấu sôi, cát nóng xối trên mình.
4- Sân : Núi đao, cây kiếm, chém đập...
5- Xảo trá, dèm siểm : Gông xiềng, giây trói...
6- Lừa gạt : Phân tiểu chìm trôi...
7- Ngậm oán : Xe nhốt, đãy kín, đánh bắn...
8- Tà kiến : Hạch hỏi tra xét. Bồ-tát sợ tà kiến như đi trên rãnh nước độc.
9- Vu oan ép bức : Núi ép, nghiền giã, lọc huyết...
10- Kiện cáo : Phát khởi ở sự che giấu, nên có khổ báo, bạn ác, gương nghiệp chiếu rọi.

b/. Sáu giao báo :

1- Tội chính ở mắt : Lâm chung thấy lửa dữ lẫy lừng, thần thức theo khói vào A-tỳ ngục. Ở trong đó hoặc thấy rõ đủ thứ sợ hãi, hoặc tối mịt kinh khủng hoảng hốt.
5 căn phụ : Tội ở tai thì có vạc dầu sôi ; tội ở mũi thì có khói khét ; tội ở lưỡi thì ăn sắt nóng ; tội ở thân thì có than lò tro nóng ; tội ở ý thì có đốm lửa vung khắp nơi.

2- Tội chính ở tai : Lâm chung thấy sóng nước ngập trời, thần thức theo nước vào ngục. Trong đó hoặc nghe đủ thứ huyên náo, tinh thần kinh sợ tan nát, hoặc u phách tối tăm chìm lặng.
5 căn phụ : Tội ở mắt thì có sấm sét khí độc ; tội ở mũi thì có mưa sương rưới trùng độc ; tội ở lưỡi thì có mủ máu ; tội ở thân thì có phân tiểu ma quỷ ; tội ở ý thì có mưa đá phá hoại tâm tánh.

3- Tội chính ở mũi : Lâm chung thấy toàn khí độc, thần thức từ đất vọt lên vào địa ngục, hoặc bị nghẹt khí hoặc bị độc khí.
5 căn phụ : Tội ở mắt thì có lửa ; tội ở tai thì có chìm đắm sôi trào ; tội ở lưỡi thì có vị ương thối ; tội ở thân thì có núi thịt bị trùng táp bu ; tội ở ý thì có tro nóng chướng khí.

4- Tội chính ở lưỡi : Lâm chung lưới sắt lửa đỏ giăng khắp. Thần thức tự thấy treo ngược đầu vào ngục. Giá lạnh nứt thịt, hoặc lửa cháy tan xương.

5 căn phụ : Tội ở mắt thì lửa đốt chảy đá ; tội ở tai thì có gươm đao bén ; tội ở mũi thì có lồng sắt lớn ; tội ở thân thì có cung tên nỏ xạ ; tội ở ý thì có mưa sắt nóng.

5- Tội chính ở thân : Mệnh chung có núi 4 phía ép lại, thần thức thấy rắn lửa, thú dữ, quỷ sứ lùa vào địa ngục. Trong đó hoặc bị núi ép thịt xương rã rời, hoặc gươm chém đao chặt.

5 căn phụ : Tội ở mắt thì có thiêu đốt ; tội ở tai thì có đánh đập đâm bằm ; tội ở mũi thì có tra khảo, bỏ vào đãy trùm kín ; tội ở lưỡi thì có kìm kẹp chém chặt; tội ở ý thì có nấu nướng, tung lên quật xuống.

6- Tội chính ở ý nghĩ bậy : Mệnh chung có gió dữ thổi bay vào địa ngục, hoặc mê man điên chạy, hoặc tỉnh táo biết đủ thống khổ.

5 căn phụ : Tội ở mắt thì có nghiệp kính đối chứng; tội ở tai thì có đá lớn úp, giá sương ; tội ở mũi thì có xe lửa tàu lửa ; tội ở lưỡi thì có kêu gào khóc lóc ; tội ở thân thì có muôn lần chết đi sống lại.

c/. Dư báo :

Mãn tội địa ngục ra làm thân quỷ. Hết quỷ báo lên làm bàng sanh, rồi lên làm người. Nếu chẳng gặp Tam-bảo lại luân chuyển trở về trần lao. Thật đáng thương xót.

TỘI ĐỊA NGỤC	QUỶ	BÀNG SANH	NGƯỜI
1. Dâm ( )	Bạt quỷ (gió)	Cú quạ (báo điềm xấu)	Yêu dị, quỷ quyệt
2. Tham	Quái quỷ (vật)	Chim kiêu	Ngu si hung dữ
3. Mê hoặc lừa gạt	Mỵ (súc vật)	Chồn	Tầm thường thô tháo.
4. Sân	Cổ độc (trùng)	Rắn rết	Bạo ngược tàn nhẫn
5. Ngậm oán	Lệ (suy biến)	Sán lãi	Đê tiện
6. Kiêu mạn	Ngã quỷ (khí)	Heo, gà (bị ăn thịt)	Nhu nhược
7. Vu oan	Yểm (tối)	Ngựa, tằm, cừu (cung cấp y phục)	Lao động
8. Tham minh	Võng lượng Tinh linh (gặp ánh sáng)	Chim én (báo thời tiết)	Văn học
9. Tham thành công	Dịch sử (Linh hiển)	Chim phụng (báo điềm lành)	Thông minh phàm trí
10. Tham bè đảng	Truyền tống (người)	Mèo chó	Thông thạo việc đời

d/. Tiên :

Trông mong giữ gìn thân thể tồn tại, sống lâu ở nơi vắng vẻ, hưởng hết phước thọ lại trở về luân hồi các thú.

TÊN	TU LUYỆN	KẾT QUẢ
1. Địa hành	Luyện thức ăn	Trường sanh
2. Phi hành	Luyện thuốc	Thân nhẹ đi như bay
3. Du hành	Luyện vàng đá	Đi lẹ chớp nhoáng
4. Không hành	Động chỉ (tập võ) Luyện tinh khí	Mọc cánh bay
5. Thiên hành	Tân dịch (nuốt nước dãi), nhuận đức	Bay lên trời
6. Thông hành	Hít tinh khí mặt trời mặt trăng	Đi lại thông qua tường vách
7. Đạo hành	Bùa chú	Có pháp thuật
8. Chiếu hành	Luyện tâm nhớ nghĩ	Tư ức viên thành

9. Tinh hành	Luyện thủy hỏa giao cấu	Cảm ứng viên thành
10. Tuyệt hành	Biến hóa	Giác ngộ viên thành

đ/. Trời :

DỤC GIỚI : Thân tuy hết thô động nhưng tâm còn dấu vết :

1- Tứ Thiên Vương : Còn vợ con nhưng không phóng dật.
2- Đao Lợi : Trong lúc tịnh cư chưa được toàn vị trong sạch.
3- Tu Diệm Ma : Phòng dục tạm giao xong rồi không nhớ tới.
4- Đâu Suất Đà : Lúc nào cũng tịnh nhưng gặp cảnh không chống trái.
5- Lạc Biến Hóa : Tự mình không thiết, gặp cảnh không thọ vị.
6- Tha Hóa Tự Tại : Tùy thuận thế gian nhưng tinh thần siêu việt.

SẮC GIỚI : 18 cõi hết tận giao đối nhưng còn hình lụy.

1- Sơ Thiền : Tâm lìa ái nhiễm, không còn khổ não (Phạm Chúng, Phạm Phụ, Đại Phạm).
2- Nhị thiền : Tâm an định hết thô động phát sanh ánh sáng (Thiểu Quang, Vô Lượng Quang, Quang Âm).
3- Tam thiền : Tịnh đức thành tựu, an ổn Thánh lạc (Thiểu Tịnh, Vô Lượng Tịnh, Biến Tịnh).
4- Tứ thiền : Tất cả khổ vui thế gian chẳng thể lay động (Phước Sanh, Phước Ái, cõi thứ 3 chia 2 đường Quảng Quả và Vô Tưởng).
5- Ngũ Bất Hoàn Thiên : Chín thứ tập khí ở hạ giới đã dứt tuyệt (Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Kiến, Thiện Hiện, Sắc Cứu Cánh).

VÔ SẮC GIỚI :

Thân tâm đều dứt, thọ 5 kiếp. Các Thiên Vương đều là Bồ-tát tu chánh định tiến lên Thánh vị.

Hồi tâm Đại A-la-hán
Không xứ
Thức xứ
Vô Sắc Giới ----→ Trời
Vô sở hữu xứ
Phi tưởng phi phi tưởng xứ
Bất hồi tâm độn A-la-hán

Nếu theo Bất Hoàn Thiên thì cùng tột Thánh đạo. Nếu theo Vô Tưởng Thiên "mê lậu vô văn", không biết quay lại thì trở về luân chuyển.

e/. A-tu-la :

1- Quỷ thú : Đại lực thần thông hộ pháp (sanh trứng).
2- Nhân thú : Ở trên cao gần mặt trời mặt trăng (sanh thai).
3- Thiên thú : Tranh quyền với Phạm-Vương Đế-Thích (hóa sanh).
4- Súc sanh : Ngày ở hư không, tối về đáy biển (thấp sanh).

g/. Kết luận :

Bảy thứ đều là các tướng hữu vi hôn trầm, vọng tưởng thọ sanh, vọng tưởng tùy nghiệp, đối với diệu viên minh vô tác bổn tâm, đều như hoa đốm ở hư không chẳng có căn gốc.

Chúng sanh có sát đạo dâm thì đọa ác đạo. Không sát đạo dâm thì lên Thiên đạo. Lên rồi xuống, xuống rồi lên, thành tánh luân hồi. Chỉ giác ngộ được diệu tánh thường tịch mới hy vọng giải thoát. Tu đạo Bồ-đề, không tận trừ 3 hoặc-nghiệp này, dù được thần thông cũng chỉ là hữu vi công dụng, không tận trừ 3 tập khí này quyết lạc về ma đạo.
Ai nói như thế là lời nói chân thật. Không nói như thế là lời ma Ba Tuần.

B – MA SỰ

Các ông còn chưa biết những ma sự vi tế. Trong đời sống tu hành, ma cảnh hiện tiền, nếu không biết giữ tâm chân chánh sẽ lạc tà kiến. Hoặc ngũ ấm ma của mình hoặc Thiên ma quỷ thần hoặc gặp ly mị ám ảnh, nếu không sáng suốt sẽ nhận giặc làm con, được chút ít đã cho là đủ. Nếu tự nói chứng Thánh, phạm đại vọng ngữ, sẽ đọa địa ngục.

Các ông chín chắn nghe kỹ. Hư không sanh trong chân tâm chỉ nhỏ như phiến mây trong bầu trời, huống chi các thế giới ở trong hư không. Nay có người phát tâm quy nguyên thì mười phương hư không tiêu vẫn. Các quốc độ ở trong hư không làm sao không bị chấn động. Các Ma Vương quỷ thần cùng Trời phàm phu thấy cung điện mình vô cớ rung động tan vỡ hẳn là sợ hãi. Dù họ có đủ 5 thần thông rồi nhưng lậu tâm chưa hết, còn tham luyến trần lao, đâu có để cho ông phá hoại chỗ ở, nên thường xúm nhau tới não hại người tu Thiền. Họ tuy đại nộ nhưng còn ở trần lao. Ông đã ở trong Diệu Giác. Họ như gió, ông như ánh sáng. Họ như gió thổi ánh sáng đâu có ngại gì. Họ tuy có thần lực nhưng vẫn là khách. Chỉ tại ngũ ấm chủ nhân mê muội nên khách mới được phương tiện.

a/. Liệt kê ngũ ấm ma :

1- Sắc ấm : Khi ngồi đạo tràng, Thiền na hiện cảnh đều do sắc ấm dụng tâm giao hỗ. Nếu ngu mê không biết, tự xưng chứng Thánh, thành đại vọng ngữ, đọa địa ngục.
2- Thọ ấm : Thắng tướng hiện tiền, tâm theo phát động, ma liền nhập tâm.
3- Tưởng ấm : Thọ ấm đã tiêu, ma không ám nhập được. Nhưng vì còn tư tưởng ước nguyện. Ma rình được phương tiện, liền nhập vào người khác tới chuyển tri kiến người tu hành, não loạn cho đến chết. Loại ma này, về thời mạt thế xuất gia tu đạo, hoặc nhập vào người phá rối Phật Pháp, khiến các bậc chân tu thành ma quyến thuộc.
4- Hành ấm : Tâm thiền kiên ngưng chân chánh, ma chẳng thể có phương tiện. Nhưng vì cuồng giải tự cho là chứng Thánh, thành đại vọng ngữ. Đây là tâm ma của mình khởi nghiệt.
5- Thức ấm : Các thứ Thiền na nửa đường thành cuồng.

Tất cả 5 thứ ma trên, nếu có thể bình tĩnh tinh thần, tiếp tục công phu, thì duyên tà tự hết, tiến vào Kim Cang Càn tuệ, viên mãn Bồ-đề.

Phật dạy : Các ông phải tồn tâm giữ đạo, khắp truyền pháp môn này cho mạt thế chúng sanh, thương xót cứu hộ người tu hành, đưa họ vào tri kiến Phật. Chúng sanh nào ngu độn không thể hành thiền nên dạy họ trì chú. Hết thảy tà ma không thể khuynh động.

b/. Ngũ ấm bổn nguyên vọng tưởng :

1. Sắc ấm : Kiếp trược : Kiên cố vọng tưởng.
2. Thọ ấm : Kiến trược : Hư minh vọng tưởng.
3. Tưởng ấm : Phiền não trược : Dung thông vọng tưởng.
4. Hành ấm : Chúng sanh trược : U ẩn vọng tưởng.
5. Thức ấm : Mệnh trược : Điên đảo vi tế tinh tưởng.

— Sắc với không là giới hạn của Sắc ấm.
Xúc với ly là giới hạn của Thọ ấm.
Nhớ với quên là giới hạn của Tưởng ấm.
Sanh với diệt là giới hạn của Hành ấm.
Nhập trạm với hợp trạm là giới hạn của Thức ấm.
— 5 ấm trùng điệp sanh khởi, bắt đầu từ thức. Nay diệt thì từ sắc mà trừ. Lý đốn ngộ nhưng sự chẳng thể đốn tiêu. Phải thứ lớp lần lượt. Như đã nói rõ ở phần giải kết.

c/. Kết khuyến :

Ngươi nay đã khai thông căn nguyên vọng tưởng, phải đem khai thị cho đời mạt pháp về sau, khiến biết hư vọng mà dõng mãnh nhàm chán. Biết có Niết-bàn không còn quyến luyến tam giới.

LƯU THÔNG
CÔNG ĐỨC THỌ TRÌ VÀ GIẢNG KINH

Nếu có người đem 7 báu mãn đầy mười phương hư không đi cúng dường thừa sự vi trần chư Phật, tâm không luống dối. Lại có người phạm đủ 4 trọng, 10 Baladi, nháy mắt phải đọa địa ngục A-tỳ phương này phương khác. Cho đến cùng tận mười phương Vô gián, không đâu chẳng phải tới. Nếu có thể một niệm, đem pháp môn này khai thị cho người chưa học, ở đời mạt kiếp, thì bao nhiêu tội chướng ứng niệm tiêu diệt. Địa ngục biến thành cõi An Lạc. Lại còn được phước siêu vượt hơn người nói trên trăm lần ngàn lần, nghìn vạn ức lần, cho đến toán số ví dụ lần cũng không bì kịp.

Chúng sanh nào tụng kinh này, trì chú này, ta nói công đức suốt kiếp không hết. Ai y giáo tu hành thẳng tới Bồ-đề không còn ma nghiệp.
Đại chúng hoan hỷ lễ tạ.

TOÁT YẾU BÀI GIẢNG CỦA TỔ GIAO QUANG VỀ
NGŨ ẤM MA TRONG LĂNG NGHIÊM CHÍNH MẠCH

Trong Thiền định, ma cảnh vi tế chẳng phải chỗ tới của trí lực phàm phu. Bởi vì đại định thành hay hoại là ở chỗ này nên động thâm từ, không ai hỏi mà Phật tự nói. Đặc biệt Phật gọi hàng Hữu Học lắng nghe. Vì Vô Học đã phá xong 4 ấm, chỉ còn thức ấm, Thiên ma quỷ thần không hại nổi.

Sắc ấm tự hiện vọng cảnh, không phải ngoại ma. Thọ ấm vời ngoại ma chỉ thầm nhập thân. Tưởng ấm mới có Thiên ma quỷ thần ly my. Không học, không biết, ắt nhận giặc làm con, tự cho chứng Thánh hoặc nhận ma làm Thánh. Hành ấm chỉ có tâm ma, do những tập khí ưa thích từ quá khứ, nay gặp cảnh, dễ sanh mê lầm. Thức ấm phát kiến ma, theo chỗ thấy mà thành ngoại đạo. Đức Phật hứa phân biệt chín chắn vì ma tướng u vi khó nhận. Vả lại ma đã phá thì hủy liệt tan tành nên lao nhọc đức Đại Từ phải tận tình cặn kẽ.

Chúng sanh vốn đồng thể với đức Tỳ Lư Giá Na, quang minh biến khắp. Chỉ vì 5 ấm che ám cho nên toàn thành mê muội. Năm ấm chưa tiêu cùng ma đồng phận ở trong u ám. Cho nên ma thấy mà nhiễu phá. Chân vọng nếu không tương quan thì ma đâu có sợ hãi mà phải tận lực quấy rầy.

Mười phương Phật, mười phương ma, cũng như tất cả chúng ta, đang sống chung trong pháp giới, như 1000 ngọn đèn trong một nhà. Không ai phân biệt được ánh sáng nào của ngọn đèn nào. Nhưng nếu tắt đi 1 ngọn, ngay lúc ấy khối sáng trong nhà bị động. Xong rồi, ngọn nào tắt thì tắt, các ngọn kia trở về vô can. Thánh phàm chung sống một pháp giới tuy không ngăn cách nhưng phàm mê thấy như có cách. Người tỉnh ngộ trở về chân tánh ngay tai chỗ một niệm không sanh, cùng với Thánh nhân không sai biệt.

Bởi vì một người trụ đại định viên thông thì mười phương cõi nước đều rung động. Phàm phu thấy nhà cửa bị chấn động đổ vỡ cho là động đất, hay âm dương thất độ hoặc một ông Thần nào cựa mình. Còn các Thiên ma đã có thần thông, họ biết ngay nguyên do. Nên xúm nhau vào phá thiền định. Người ngộ, ma chẳng tổn thương được. Ta là chủ, họ là khách. Chính họ sợ mà ta an. Biết sự thật là như vậy cứ nhất tâm không động. Cảnh họ biến hóa ra,

thiện ác hay dở, ta bình tĩnh không mừng không sợ, không ưa không ghét. Duy chỉ chiếu lý chánh niệm, chẳng đoái hết thảy. Đúng như câu : "Đường lối của quỷ núi có cùng, giác tỉnh của ta không tận". Thì ma kia làm gì ?

Người tu hoặc như pháp ở trong đạo tràng, hoặc bình thường, trong hết thảy thời, 4 oai nghi, chuyên chú phản văn. Nếu công phu nông cạn thì chẳng kể làm gì. Nếu có thể vào sâu, nhất định sẽ đi đến niệm tận. Luận Khởi Tín nói : "Tâm thể ly niệm đẳng hư không giới". Tánh nghe không can gì đến cảnh, cho nên cảnh động tĩnh không thể đổi dời được tánh nghe. Tánh nghe cũng không can gì đến ý thức. Nên ý thức nhớ quên không bận gì đến tánh nghe. Dù ý thức hốt khởi nhớ cảnh, tánh nghe như gương sáng, cảnh như bóng hiện rồi tan. Gương vẫn bất động. Chính là thời tiết nhà Thiền đả thành 1 phiến. Chỗ này tức là tiêu niệm, định tuệ cân phân.

Chúng ta cũng như đêm tối, trong nhà có đèn sáng nhưng ngoài nhà là vô biên đen ngòm.
Người tu một bề không đoái hiện cảnh trước mắt, chuyên chú vào tánh nghe. Định này thành tựu ắt như mắt sáng ở trong đại u tối. Long Tiêu thổi tắt đèn phát minh cho Đức Sơn vào tam muội này.

Hỏi : Thường nghe bản tâm viên minh, làm sao lại tối đen ?

Đáp : Bản tánh quang minh nhưng 5 ấm vô minh che lấp. Tâm pháp giới đều thành tướng tối. Như người bị hôn trầm, bao nhiêu tỉnh táo nay thành mê muội đến nỗi còn chiêm bao. Chúng ta ngày nay la liệt trước mắt, nào núi, nào sông, nào thành phố, nào người vật, đều là vọng kiến điên đảo của loại chiêm bao mở mắt. Trong chiêm bao làm sao nhớ được rằng mình đang ở trong hắc ám. Cái thấy không thoát khỏi căn trần, toàn ở nơi hắc ám. Chấp đó làm cảnh giới thật của mình. Đâu có kỳ hẹn nào tỉnh ngộ.

Cho nên tu chánh định, cốt yếu xả huyễn thân huyễn cảnh, tơ hào không duyên, nỗ lực phản văn. Khi ấy mới biết vô biên hắc ám như người mắt sáng ở trong nhà tối. Đây là ở trong khu vũ của sắc ấm. Bao giờ thoát hẳn căn trần, trong đạo được tự tại gọi là Diệu. Vượt cả có và không, chẳng nhiễm bên nào, gọi là Tịnh. Nếu sắc ấm chưa khai, tâm quang chưa tỏ, vô biên u ám, thì chỉ mới là hư tịnh mà thôi. Song định cảnh hư dung rất là thoải mái. Người không biết thường thủ trước không tiến. Người biết mình còn ở trong sắc ấm như nhà tối che kín, cuộc trệ trong tường vách, thì đời nào lại chịu đắm trước trong cái vui Thiền định. Tới khi định lực phát huy, tâm quang đồng chiếu, không dùng con mắt thường ngày nữa thì tối tăm hết, trong thấu 5 tạng trăm xương, ngoài suốt núi sông đại địa, trên trời nhân gian thấy rõ như nhìn ngón tay. Phật không ước lượng thấy đến đâu, nhưng chắc ít nhất cũng được 1 thế giới.

Sắc ấm tận nghĩa là không bị ấm che chìm chớ sắc thì càng thấy rõ và thấy đúng sự thật nghĩa là chân tâm tùy duyên hiện sắc nên sắc chẳng khác tâm.

Đã tưởng vĩnh viễn trầm chìm trong hắc ám, mất hẳn cái sáng chiếu khắp pháp giới. Duyên may được pháp Samatha khai thị 4 khoa 7 đại nguyên một Tạng tâm mới tự biết tâm biến mười phương. Khi ấy mới giác biết mình đang tối tăm, phải cầu thân chứng bản minh. Vội vàng nhiếp giải thành hạnh, nhập Tam-ma-địa. Trong u ám nhẫn trụ một phiến công phu. Ngày kia mây sắc ấm tan đi, thân chứng bản minh. Hết thảy kiên ngoan ám muội căn trần đều như ngọc lưu ly, trong ngoài rỡ tỏ. Đâu chẳng phải vì thoát ly căn trần, nên tâm thể chu biến sáng suốt phát huy công dụng. Thế gọi là sắc ấm tận.

Kinh dạy : "Mê muội thấy có hư không. Trong hư không tăm tối kết ám thành sắc".

Tức là vào kiếp trược. Từ vô lượng kiếp tới nay trường miên trong hắc ám sanh tử. Thể trược này toàn y sắc ấm u ám mà có. Lìa sắc ấm, rốt ráo không thể. Nay sắc ấm đã tận, tối tăm đã khai. Nên nói là siêu vượt kiếp trược. Quan sát nguyên do kiếp trược hay sắc ấâm là vì kiên chấp 4 đại bên ngoài thật ở ngoài tâm, 4 đại bên trong thật là chỗ trụ của tâm. Vọng tưởng kết mà không giải như thế, thành thể hắc ám của sắc ấm, gọi là kiên cố vọng tưởng. Văn Thù kệ rằng : "Tưởng trừng thành quốc độ, tri giác là chúng sanh".

Nếu sắc ấm chỉ cuộc một thân thì khi tận sắc ấm, đáng lẽ chỉ rõ suốt trong thân. Nay kinh nói rõ ràng mười phương đỗng khai, minh bạch là sắc ấm biến chu cả phù trần 7 đại. Đây là bàn chuyện ma mà ý chỉ hạ thủ tu tiến. Cho nên phải giải thích tường tận. Người tu kiệt lực cùng nghiên đến chỗ chí tịnh chí cực. Chính là thời tiết cùng với Thánh Tâm tinh thông thầm hợp. Sắp phá được sắc ấm. Sắc ấm chấn liệt giao động tâm ma. Ma lo mà khởi việc. Trong kinh Phật tạm chỉ 10 tướng để các đệ tử biết trước mà phòng thân.

Hoặc thấy mình có thể đi qua tường vách. Hoặc thấy Phật Bồ-tát Thiên Long. Người tu phòng tâm không kỹ, lãnh vọng cảnh, cho nên quỷ vật mê hoặc hiện hư ảnh. Thiên ma nhập tâm, giữ tâm thần người tu khiến bỗng nhiên thuyết pháp đạt diệu. Lúc này chỉ cần nhận là tác chứng hay không liền thành 2 đường Ma Phật. Thận trọng tế xét, không ngoài 2 mối, vọng kiến và cuồng tuệ mà ma có phương tiện. Phật ân cần nhắc đi nhắc lại, khuyên ông Anan và Thánh chúng trong hội, phải giữ gìn che chở những người chân chính tu hành đời vị lai. Truyền dạy cho họ biết, khi quán lực thắng vọng tưởng thì tâm quang sáng lộ, phát hiện nhiều cảnh phi thường. Chỉ nên bình tĩnh tiếp tục công phu thì đó là cảnh giới tốt. Nếu động tâm liền vời ma tới. Nếu nhận là chứng Thánh liền nhập quần tà.

Nhập lưu là quán, vong sở là chỉ. Chỉ quán song tu. Sắc ấm đã hết, thấy rõ được diệu giác minh tâm nhưng chưa phát dụng tự tại. Kinh dụ như người bị bóng đè, chân tay rõ ràng, thấy nghe không lầm nhưng tâm xúc khách tà không thể cử động. Tâm chúng ta vốn không cuộc trong thân. Vì vô thủy mê chấp nên sống thì tự cuộc vào hiện ấm, chết thì cuộc vào trung ấm. Đâu có lúc nào hưởng cái tự do lìa thân. Nay thọ ấm hết, liền có thể lìa thân, thấy mặt, đi ở tự do !

Thân kiến là gốc của các tà kiến. Thọ ấm tận, vượt thân kiến tức là thoát kiến trược. Mới đích nhận được tâm thật không ở trong thân. Chỉ có thọ ấm vọng lãnh nạp, hư phát minh mà thôi.

Trong khi sắc ấm đã hết, thọ ấm chưa tan, người tu nhận được hết thảy chúng sanh đều đồng một quang minh diệu lý, oan uổng mà thọ luân nịch. Liền tự trách mình chấp mê không sớm ngộ độ sanh, do đây phát bi tâm. Nếu giác ngộ, dừng tâm lại, phục hoàn chánh niệm, lâu ngày sẽ hết. Nếu tự cho là đồng Phật đại bi, ma bi liền tới làm cho điên cuồng. Phật tạm kể 10 trường hợp tương tợ như trên để các đệ tử nhất tâm chánh niệm. Hễ động tâm liền phải đề phòng. Ban sơ là tâm lành, nhưng thái quá, phải tự giác trở về, chớ để tà ma dẫn dụ đưa về đọa lạc. Thọ ấm tận liền được tự tại lìa thân như chim thoát lồng.

Tưởng tuy ở giữa 5 ấm mà 2 trước 2 sau đều y vọng tưởng. Huống chi hết thảy căn bản phiền não và tùy phiền não lìa tưởng ấm rốt ráo không chỗ nương. Vì thế tưởng tận là siêu phiền não trược. Tưởng năng dung biến, sai tâm theo cảnh, như nghe nói mơ chua, miệng liền chảy nước. Nên gọi tưởng ấm là dung thông vọng tưởng.

Trong khi dụng tâm phản văn để phá tưởng ấm, hành giả khởi ý mong cầu thiện xảo để dễ bề giáo hóa chúng sanh. Vì thọ ấm đã hết, ma chẳng thể nhập tâm nên gá người khác đến

dẫn dụ, khiến tự mình chuyển loạn. Vì là chỗ sở thích nên dễ bị mê hoặc. Vì thế không muốn để ma xoay sở, người tu chỉ nên an tâm tắt hết ái cầu. Vì nhân 3 học không thiếu, sức tiến như bay, ma cung chấn động. Ma lập kế não loạn. Chỉ cần phá giới dẫn dâm tức định tuệ quy tà, thân làm ma tử, ma mới mãn nguyện. Người trí thấy hủy giới dụ dâm, liền biết ngay đây là ma. Đã lên Thánh vị tợ ưng bất thoái mà nay sao Phật nói rõ ràng đọa vô gián ngục ? Thưa rằng ở quyền giáo và tiệm giáo, người tu như lên núi từng bước ắt thuần có lên không có xuống. Còn viên đốn không thủ chứng. Kinh nói "từ đây phàm thân trải qua Thánh vị" cho nên biết thức ấm chưa khai, chưa nhập viên thông, chưa bảo đảm sự không đọa lạc. Vả lại Viên Đốn lấy ngộ làm cốt yếu. Như bay là cậy có cánh, đọa cố nhiên dễ đọa, nhưng thăng cũng chẳng khó thăng. Ngộ ắt không lỗi, ngay lúc sắp đọa mà lại thăng. Huống chi thượng căn viên đốn phần nhiều có thể ái cầu niệm tuyệt, phàm Thánh tình vong, tự không lỗi vời ma tiếm Thánh. Đức Phật từ mẫn dặn dò cho biết mà tránh. Cho nên chẳng phải quyết không nghĩa đọa mà cũng chẳng phải có nhiều trầm luân.

Tưởng ấm tận thì ngủ không mộng, thức không tưởng, tâm hằng thường, một niệm không sanh. Như gương soi vạn vật không lưu trệ hình ảnh. Tập khí từ ngàn xưa rất khó trừ, nay nhất đán diệt tận. Hành ấm rất vi tế hiển lộ.

Chúng sanh ở trong tam giới sanh diệt không đình, căn nguyên là do hành ấm thiên lưu. Ba ấm trước đã phá nên nay thấy rõ căn nguyên 12 loài, cai tận cả cõi trời và sáu đạo. Tứ không, vô sắc, cũng chẳng ra ngoài được hành khổ. Văn trên ở mục vạn pháp quy về Như Lai Tạng, Phật ví hành ấm phàm phu với dòng nước chảy. Ở đây hành ấm của người đã tu chứng vi tế hơn, Phật ví với dã mã. Dã mã là khí đất bốc lên dưới mặt trời, trạng như nước, sáng như lửa. Dùng thí dụ dã mã chính để nêu biểu sự vi ẩn khó thấy. Hành ấm là căn nguyên phận đoạn sanh tử, căn bản già chết thiên lưu tàn tạ. Tưởng ấm ví như sóng to, hành ấm ví như sóng nhỏ. Thức ấm ví như nước chảy không sóng. Giác tánh thể ví như nước không chảy không động.

Sanh diệt không ngừng, nghiệp vận mật di, nay làm thân bò mai làm thân trâu, gọi là chúng sanh trược. Tuy hằng dời đổi mà thế gian chưa từng giác nhận nên gọi là u ẩn vọng tưởng. An định được hành ấm, thâu những làn sóng lăn tăn về biển thức trừng lặng là diệt xong hành ấm. Trong khi công phu chánh định để trừng lặng hành ấm, ma không quấy phá được vì sắc thọ tưởng đã tiêu. Nhưng do cuồng giải, nhiều vị tu hành mắc vào chấp đoạn chấp thường chấp có chấp không, tự xưng chứng Thánh, đại vọng ngữ thành, đọa ngục vô gián. Do chính tâm kiên ngưng đại định, không bị lạc đọa, công phu thẳng tới. Giềng mối cực kỳ thâm sâu vi tế, tức là gốc kết trói vào đường sanh tử luân hồi, bỗng nhiên hủy liệt. Mạch u kín thù đáp túc nghiệp bị cắt đứt, phận đoạn sanh tử hết, nhân quả trong tam giới vĩnh dứt. Tổ Ôn Lăng thí dụ : Trời Niết-bàn bị 5 ấm che lấp như đêm dài. Sắc thọ tưởng ấm tiêu như gà đã gáy, báo tin sắp sáng. Vì còn 2 ấm nữa nên tinh sắc chưa phân. Hành ấm hết như trời tang tảng chỉ còn xong một ấm nữa là đại minh ngộ.

Thức ấm là nguyên do thọ mệnh mỗi cá nhân, là gốc biến dịch sanh tử. Hành ấm tận tại ngôi Tín 7, ngang với A-la-hán tiểu thừa. Thức ấm tận là tròn 10 tín vào sơ Trụ, chứng nhập Viên thông. Dụng của Viên thông không chỉ hữu tình thoát triền mà khí thế gian cũng giao triệt. Tức kinh chỗ nói : "Sơn hà đại địa ứng niệm hóa thành Vô-thượng tri giác". Tới đây thức ấm tận. Kết định.

Tánh vốn nhất chân, do trần phân cách thành có 6 căn. Tánh và dụng mất chuẩn đích gọi là mệnh trược. Nay tận thức là siêu thoát mệnh trược. Thức là vọng giác ảnh, vốn không tự thể, do điên đảo khởi. Cho nên gọi là võng tượng hư vô điên đảo vi tế tinh tưởng.

Nhưng khi chưa được tịch diệt hiện tiền, còn ở trong khu vũ của thức ấm, còn bị huyễn ảnh vọng tưởng hư vô của vô minh chi phối, nhiều vị tu hành chuyển tâm thành ngoại đạo. Nội giáo cứu cánh quy vô sở đắc. Nay các vị thấy có đắc thì khác gì mộng được vàng. Vàng tuy quý nhưng đã gọi là mộng thì ích gì. Trái Viên thông là mất nhân địa. Bội Niết-bàn là mất quả địa. Nhị thừa đoạn hoặc thủ chứng hẳn không có đọa, chỉ bị vĩnh tắc ở Hóa Thành.

Từ sơ phát tâm đến thành chánh giác, cứu xét viên nhân chỉ có 2 ngôi :

1- Đoạn tiền thông hoặc từ mãn quán hạnh, một phen lên thẳng sơ Trụ, trung gian không thủ chứng.

2- Đoạn hậu biệt hoặc từ ngôi sơ Trụ lên thẳng Đẳng Giác, trung gian không thủ chứng.
Mà Phật nơi viên nhân luôn liệt nhiều ngôi. Vì mắt Phật cực sáng mới có thể ở nơi tấn tốc mà tách bạch nói ra.

Nhập Như Lai Diệu Trang Nghiêm Hải, đầy đủ vạn đức trang nghiêm của biển quả là phước cứu cánh tức Giải-thoát đức.

Viên mãn Bồ-đề, nhất thiết chủng trí tức bi trí cứu cánh là Bát-nhã đức.

Quy vô sở đắc, khế hợp tánh chân bản hữu, không từ ngoài được, là lý cứu cánh tức Pháp-thân đức. Hai câu trên là tu thành. Câu dưới là tánh vốn đủ. Bởi vì tòng tánh khởi tu mà tu để trở về khế hợp với tánh.

Đâu chẳng kính thừa mà tự lợi lợi tha sao ?

MỤC LỤC

b) Ngũ ấm bổn nguyên vọng tưởng.
c) Kết khuyến.

Lưu Thông.
* Công đức thọ trì và giảng kinh.
* Toát yếu bài giảng của Tổ Giao Quang về Ngũ Ấm Ma trong Lăng Nghiêm Chính Mạch.